

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 21 – 3 - 2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Săng

Bà Đào Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST- DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST – DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 01A, đường N, phường 2, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Phạm Nguyễn Tấn N, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 17C, ấp 3 xã P, thành phố B, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 07/7/2021.

*** Bị đơn:** Lê Trung T, sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Đinh Thị Cẩm R, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện trong hồ sơ và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Nguyễn Tấn N trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T là đại diện hộ kinh doanh N, có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề kinh doanh là mua bán thức ăn, thuốc thú y thủy sản. Từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 01 năm 2020 cửa hàng N có bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho ông Lê Trung T. Hình thức mua bán giữa 02 bên là người bán bao vụ cho người mua, đến vụ thu hoạch tôm thì người mua trả tất tiền nợ, người bán có ghi sổ theo dõi và bảng kê cụ thể, bên mua có giữ 01 bản. Tính đến ngày 14/01/2020 ông T còn nợ cửa hàng N số tiền nợ thức ăn và thuốc nuôi tôm số tiền là 177.487.500 đồng, ông T có trả cho cửa hàng N số tiền nợ là 30.000.000 đồng, trả làm 02 lần. Lần 1 ngày 20/7/2020 trả 20.000.000 đồng, lần 2 ngày 22/5/2021 trả 10.000.000 đồng là ngưng không trả nữa. Cửa hàng có cử người đến gặp ông T để thu hồi nợ nhưng ông T cứ hứa khi nào thu hoạch tôm sẽ trả tiền nhưng không có trả. Hiện nay ông T còn nợ cửa hàng N số tiền nợ thức ăn và thuốc nuôi tôm chưa trả là 147.487.500 đồng, ông T có ký tên xác nhận nợ (Thể hiện tại bảng đối chiếu và xác nhận nợ).

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lê Trung T và bà Đinh Thị Cẩm R phải liên đới trả số tiền nợ thức ăn và thuốc nuôi tôm số tiền là 147.487.500 đồng và tiền lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Nguyễn Tấn N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lê Trung T và bà Đinh Thị Cẩm R phải liên đới trả số tiền nợ thức ăn và thuốc nuôi tôm số tiền là

147.487.500 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất pháp luật quy định tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày 20/11/2021), không đồng ý cho trả dần.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 28/02/2022 và phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn ông Lê Trung T trình bày:

Ông thừa nhận ông có mua thức ăn và thuốc nuôi tôm tại cửa hàng N và hiện nay còn nợ số tiền chưa trả là 147.487.500 đồng. Số tiền nợ này ông có ký xác nhận nợ nhưng do nuôi tôm lỗ nên không có tiền để trả nợ cho cửa hàng N. Ông mua thức ăn và thuốc nuôi tôm tại cửa hàng N để nuôi tôm thẻ chân trắng, vợ ông là bà Đinh Thị Cẩm R có biết nhưng không biết số tiền nợ cụ thể là bao nhiêu và cũng đồng ý cùng ông trả nợ. Nay ông T khởi kiện ông không cò khả năng, xin trả dần 20.000.000 đồng/năm đến khi hết nợ, xin không trả lãi suất. Ông và bà Đinh Thị Cẩm R là vợ chồng kết hôn năm 1994, ông mua thức ăn và thuốc nuôi tôm tại cửa hàng N về nuôi tôm để phát triển kinh tế gia đình.

* Bà Đinh Thị Cẩm R người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các lần mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải và xét xử đề ngày 28/02/2022 nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Cẩm R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/02/2022 (Bút lục số 52). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà R là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện vợ chồng ông Lê Trung T và bà Đinh Thị Cẩm R phải liên đới trả số tiền nợ thức ăn và thuốc nuôi tôm số tiền là 147.487.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, ông T đã hoàn toàn thừa nhận có mua thức ăn và thuốc nuôi tôm tại cửa hàng N của ông T và hiện còn nợ số tiền đến nay chưa trả là 147.487.500 đồng, ông Thuật cũng thừa nhận có ký xác nhận nợ thể hiện tại bảng đối chiếu và xác nhận nợ (Bút lục số 60) phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn không phải chứng minh. Số tiền nợ 147.487.500 đồng đến nay ông T và bà R chưa trả cho ông T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông T khởi kiện ông T và bà R phải trả số tiền nợ 147.487.500 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu trả lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng từ ngày 31/12/2019 đến ngày 20/11/2021 của nguyên đơn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà R đã vi phạm hợp đồng mua bán (Không trả tiền nợ đúng theo thỏa thuận) nên nguyên đơn ông T yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận. Tuy nhiên, thời gian nguyên đơn ông T yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày 20/11/2021 là chưa phù hợp hoàn toàn. Bởi lẽ, ông T có trả nợ vốn gốc cho ông T số tiền nợ là 10.000.000 đồng lần cuối cùng là vào ngày 22/5/2021 thì ngưng không trả tiền vốn nên ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ để xem xét tính tiền lãi suất là ngày 23/5/2021 đến ngày 20/11/2021 theo yêu cầu của nguyên đơn mới phù hợp và đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, ông T và bà R phải trả tiền lãi suất cho ông T được tính như sau:

$147.487.500 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 7.263.300 \text{ đồng}$ (Bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm đồng).

[3] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T và bà R cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T khai ông và bà R kết hôn năm 1994, có đăng

ký kết hôn, vợ chồng còn sống chung nên số tiền nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà R. Ông T mua thức ăn và thuốc nuôi tôm tại cửa hàng N để nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình. Ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T và bà R cùng liên đới trả tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi tôm là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, ông T và bà R phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ thức ăn nêu trên cho ông T là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, Ông T xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng năm là 20.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh T chấp nhận và pháp luật cũng không quy định cho trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông T và bà R phải liên đới chịu án phí số tiền là:

154.750.800 đồng (147.487.500 đồng + 7.263.300 đồng) x 5% = 7.737.500 đồng (Bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với ông Lê Trung T và bà Đinh Thị Cẩm R về việc đòi tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi tôm.

2. Buộc ông Lê Trung T và bà Đinh Thị Cẩm R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ là 154.750.800 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng) (Gồm tiền nợ gốc 147.487.500 đồng, tiền lãi suất 7.263.300 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Trung T và bà Đinh Thị Cẩm R phải liên đới chịu 7.737.500 đồng (Bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh T 5.228.500 đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003368 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Cẩm R vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương